

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 39
8. Phụ lục	40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty dược và vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ 30.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 10 năm 2009.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Điện thoại : (075) 813447 – 822429 - 829528
Fax : (075) 824248
E-mail : Bepharco@vnn.vn
Mã số thuế : 1300382591

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Đông dược	Số 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực I	Số 179 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, TP. Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực III	Số 97 đường Công Lý, khu phố 2, Thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: sản xuất thuốc trị bệnh cho người.
- Bán buôn máy móc thiết bị khác. Chi tiết: bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất nước uống đóng chai, thùng.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi.
- Cơ sở lưu trú khác. Chi tiết: cho thuê mặt bằng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014 như sau:

- Chia cổ tức lần 2 năm 2013 1.000VND/cổ phần
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế năm 2013
- Trích Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế năm 2013
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5% lợi nhuận sau thuế năm 2013

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 11 tháng 7 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc tái phát hành 51.500 cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân là 35.000VND/cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2014	-
Ông Đinh Văn Bích	Chủ tịch	25 tháng 4 năm 2009	26 tháng 4 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch	25 tháng 4 năm 2009	26 tháng 4 năm 2014
Ông Nhan Thế Hùng	Thành viên	26 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	26 tháng 4 năm 2014	-
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	26 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Nền	Thành viên	25 tháng 4 năm 2009	26 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Phước Lễ	Thành viên	25 tháng 4 năm 2009	26 tháng 4 năm 2014

SỐ
C
ÁCH
M
ĐIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2014	-
Bà Lê Thị Minh Hiệp	Thành viên	26 tháng 4 năm 2014	-
Bà Bùi Thị Liên Phương	Thành viên	26 tháng 4 năm 2014	-
Ông Trần Hoàng Sơn	Trưởng ban	25 tháng 4 năm 2009	26 tháng 4 năm 2014
Bà Huỳnh Thị Hải Đường	Thành viên	25 tháng 4 năm 2009	26 tháng 4 năm 2014

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2014	-
Ông Lê Phước Lễ	Phó Giám đốc	25 tháng 12 năm 2007	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2014	-
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Giám đốc	25 tháng 12 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

100
IG
EM1
VVA
&
CPH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Võ Minh Tân
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0665/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 23 tháng 7 năm 2014, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra nhận xét không nhận thấy có sự kiện nào để cho thấy Báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tại Báo cáo kết quả công tác soát xét vào ngày 21 tháng 8 năm 2013 và đưa ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 tại Báo cáo Kiểm toán độc lập ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.672.033.496	225.382.471.956
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.211.562.684	14.244.442.067
1. Tiền	111		13.211.562.684	14.244.442.067
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		998.900.000	742.192.083
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.158.449.455	766.474.251
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(159.549.455)	(24.282.168)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.138.334.743	76.945.914.776
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	85.437.583.119	75.472.080.882
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	984.347.008	749.849.984
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	71.224.924	1.078.804.218
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(354.820.308)	(354.820.308)
IV. Hàng tồn kho	140		126.419.575.118	122.850.245.408
1. Hàng tồn kho	141	V.8	127.734.313.882	124.279.666.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(1.314.738.764)	(1.429.420.797)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.903.660.951	10.599.677.622
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	412.133.768	1.353.251.835
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.438.849.238	1.382.097.589
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	1.268.907.698	454.226.449
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	7.783.770.247	7.410.101.749

A red circular stamp is located on the right side of the page, partially overlapping the table. The text inside the stamp is arranged in a circle and includes "D.Đ.N.", "TR", and "KIẾ".

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.357.390.631	50.992.158.146
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.027.550.614	32.918.380.499
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	25.202.929.306	26.962.256.770
<i>Nguyên giá</i>	222		44.722.908.536	44.722.908.536
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.519.979.230)	(17.760.651.766)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	1.011.501.380	1.074.720.218
<i>Nguyên giá</i>	225		1.264.376.732	1.264.376.732
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(252.875.352)	(189.656.514)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	4.813.119.928	4.860.403.510
<i>Nguyên giá</i>	228		5.234.046.000	5.234.046.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(420.926.072)	(373.642.490)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	21.000.001
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	125.214.090	125.214.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(125.214.090)	(125.214.090)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.423.663.252	14.423.663.252
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	14.226.953.252	14.226.953.252
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	196.710.000	196.710.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.906.176.765	3.650.114.395
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	3.809.776.765	3.553.714.395
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	96.400.000	96.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.029.424.127	276.374.630.102

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		198.851.626.451	190.656.389.725
I. Nợ ngắn hạn		310		197.137.162.150	188.396.806.424
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	121.678.055.160	109.103.445.626
2.	Phải trả người bán	312	V.22	65.554.323.921	68.076.492.675
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.23	284.826.428	2.469.946.468
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	1.065.548.986	3.575.863.011
5.	Phải trả người lao động	315	V.25	6.122.680.669	3.324.205.002
6.	Chi phí phải trả	316	V.26	396.830.418	905.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	2.020.453.039	922.602.339
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	14.443.529	19.251.303
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		1.714.464.301	2.259.583.301
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.29	76.081.000	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.30	1.638.383.301	2.259.583.301
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		88.177.797.676	85.718.240.377
I. Vốn chủ sở hữu		410		88.127.797.676	85.668.240.377
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	30.000.000.000	30.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	26.493.488.000	26.493.488.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.31	(1.264.443.840)	(1.264.443.840)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	5.008.977.974	4.457.350.748
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	3.867.148.532	3.315.521.306
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	2.536.822.093	2.536.822.093
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	21.485.804.917	20.129.502.070
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		50.000.000	50.000.000
1.	Nguồn kinh phí	432	V.32	50.000.000	50.000.000
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		287.029.424.127	276.374.630.102

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5.283.260.500	5.283.260.500
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		20.701,28	20.679,29
Euro (EUR)		120,65	120,60
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bến Tre, ngày 23 tháng 7 năm 2014

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

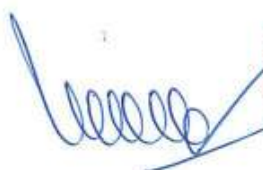
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	261.528.589.322	282.581.709.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.445.516.244	1.969.605.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	259.083.073.078	280.612.104.144
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	214.066.247.732	225.553.548.437
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.016.825.346	55.058.555.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.737.292.194	3.932.086.199
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.666.511.596	8.496.292.334
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.932.055.070	6.079.388.682
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	34.363.839.217	34.188.003.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.995.826.400	13.247.570.240
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		727.940.327	3.058.775.582
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.406.588.063	17.010.323.951
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.717.969.099	11.276.059.709
13. Lợi nhuận khác	40		6.688.618.964	5.734.264.242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.416.559.291	8.793.039.824
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	1.843.476.676	3.259.246.457
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.573.082.615</u>	<u>5.533.793.367</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.890</u>	<u>1.877</u>

Bến Tre, ngày 23 tháng 7 năm 2014


 Nguyễn Thanh Trúc
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Chí Cường
 Kế toán trưởng


 Võ Minh Tân
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.416.559.292	8.793.039.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13, 14, 15, 16	1.869.829.884	1.936.231.110
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 9	20.585.254	(132.790.878)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	401.559.836	397.184.337
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.062.667.521)	(606.602.525)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.932.055.070	6.079.388.682
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.577.921.815	16.466.450.550
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.420.804.761)	(22.195.059.440)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.454.647.677)	2.270.203.893
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.571.247.968)	(7.880.016.569)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		685.055.697	260.614.030
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.26; VI.4	(4.820.826.667)	(5.925.823.265)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(2.513.564.100)	(2.319.168.005)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.744.805.581	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.302.330.477)	(311.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.075.638.557)	(19.634.698.806)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(329.374.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.098.042.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.864.587.576
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.062.667.521	812.062.345
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.062.667.521	249.233.558

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21	207.912.740.105	221.187.285.487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21, 30	(195.862.130.571)	(199.667.782.963)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.21	(97.200.000)	(106.124.968)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(2.976.770.000)	(2.948.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.976.639.534	18.464.877.556
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.036.331.502)	(920.587.692)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.244.442.067	13.688.981.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.452.119	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.211.562.684	12.768.394.178

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 23 tháng 7 năm 2014

Võ Minh Tân
Giám đốc

14
N
H
N
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 396 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 401 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

10/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính là 10 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 35 đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

38
T
H
A
T
C
H
O

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.150 VND/USD
29.300 VND/EUR
30/6/2014 : 21.360 VND/USD
29.250 VND/EUR

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	73.987.580	918.274.979
Tiền gửi ngân hàng	13.137.575.104	13.326.167.088
Cộng	<u>13.211.562.684</u>	<u>14.244.442.067</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	1.000	29.072.500	8.500	158.846.171
- Công ty cổ phần thép Việt Ý	-	-	6.000	66.210.351
- Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	37.000	293.475.544	4.000	26.077.666
- Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	-	-	1.000	18.646.500
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	6.000	81.287.833	6.000	54.743.208
- Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo	23.000	204.303.774	22.000	142.337.566
- Công ty cổ phần mía đường Bourbon Tây Ninh	9.000	116.401.628	19.300	256.204.539
- Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Việt Hàn	16.000	176.810.468	6.000	43.408.250
- Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	9.000	117.041.297	-	-
- Tổng Công ty cổ phần vận tải dầu khí	9.000	140.056.411	-	-
Cộng		<u>1.158.449.455</u>		<u>766.474.251</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	<u>Mua vào trong kỳ</u>		<u>Bán ra trong kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	7.500	189.823.375	15.000	319.597.046
- Công ty cổ phần thép Việt Ý	17.000	182.354.750	23.000	248.565.101
- Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	73.000	553.480.250	40.000	286.082.372

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	3.000	74.686.250	4.000	93.332.750
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	10.000	119.899.000	10.000	93.354.375
- Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo	56.000	455.636.250	55.000	393.670.042
- Công ty cổ phần mía đường Bourbon Tây Ninh	13.000	166.515.250	23.300	306.318.161
- Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Việt Hàn	51.000	478.773.950	41.000	345.371.732
- Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	40.000	434.985.000	31.000	317.943.703
- Tổng Công ty cổ phần vận tải dầu khí	18.000	262.955.750	9.000	122.899.339
Cộng		2.919.109.825		2.527.134.621

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	24.282.168	230.799.743
Trích lập dự phòng bổ sung	159.549.455	-
Hoàn nhập dự phòng	(24.282.168)	(132.790.878)
Số cuối kỳ	159.549.455	98.008.865

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	16.369.927.173	21.068.992.107
Chi nhánh Hà Nội	16.737.517.232	14.426.408.163
Chi nhánh Ninh Bình	2.880.866.208	1.781.764.616
Chi nhánh Đà Nẵng	9.799.176.221	9.446.774.891
Chi nhánh Khánh Hòa	4.162.772.609	4.606.335.769
Chi nhánh Cần Thơ	14.660.124.660	11.685.281.130
Hiệu thuốc Đông dược	1.695.682.817	1.101.423.074
Hiệu thuốc Khu vực I	4.132.734.254	-
Hiệu thuốc Khu vực II	1.091.320.761	-
Hiệu thuốc Khu vực III	3.258.071.159	-
Văn phòng Công ty	10.649.390.025	6.819.056.334
Các hiệu thuốc trong tỉnh Bến Tre	-	4.536.044.798
Cộng	85.437.583.119	75.472.080.882

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	207.950.000	115.349.984
Chi nhánh Hà Nội	752.359.008	634.500.000
Văn phòng Công ty	24.038.000	-
Cộng	984.347.008	749.849.984

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	26.600.081	1.025.254.417
Thuế giá trị gia tăng tài sản thuê tài chính	44.624.833	53.549.801
Cộng	<u>71.224.914</u>	<u>1.078.804.218</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	354.820.308	328.007.050
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	<u>354.820.308</u>	<u>328.007.050</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	5.409.042.153	9.788.423.904
Nguyên liệu, vật liệu	1.571.591.994	1.115.352.699
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	91.628.307	141.895.687
Hàng hóa	120.662.051.428	113.233.993.915
Cộng	<u>127.734.313.882</u>	<u>124.279.666.205</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng hóa tồn kho. Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.429.420.797	2.428.531.077
Hoàn nhập dự phòng	(114.682.033)	-
Số cuối kỳ	<u>1.314.738.764</u>	<u>2.428.531.077</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ quản lý	-	12.521.092
Công cụ, dụng cụ sản xuất	412.133.768	1.340.730.743
Cộng	<u>412.133.768</u>	<u>1.353.251.835</u>

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	640.279.021	451.303.545
Thuế xuất nhập khẩu	2.922.904	2.922.904
Thuế nhà đất	348.091.798	-
Thuế thu nhập cá nhân	277.613.975	-
Cộng	<u>1.268.907.698</u>	<u>454.226.449</u>

12. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.170.554.284	780.169.184
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.613.215.963	6.629.932.565
Cộng	<u>7.783.770.247</u>	<u>7.410.101.749</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	28.940.497.805	2.392.688.494	5.533.960.691	7.855.761.546	44.722.908.536
Số cuối kỳ	<u>28.940.497.805</u>	<u>2.392.688.494</u>	<u>5.533.960.691</u>	<u>7.855.761.546</u>	<u>44.722.908.536</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.111.939.539	180.021.169	1.461.545.753	1.437.027.570	4.190.534.031
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.989.265.832	779.248.016	3.147.442.047	2.844.695.871	17.760.651.766
Khấu hao trong kỳ	889.615.400	181.769.891	244.760.828	443.181.345	1.759.327.464
Số cuối kỳ	<u>11.878.881.232</u>	<u>961.017.907</u>	<u>3.392.202.875</u>	<u>3.287.877.216</u>	<u>19.519.979.230</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.951.231.973	1.613.440.478	2.386.518.644	5.011.065.675	26.962.256.770
Số cuối kỳ	<u>17.061.616.573</u>	<u>1.431.670.587</u>	<u>2.141.757.816</u>	<u>4.567.884.330</u>	<u>25.202.929.306</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 33.027.622.226 VND và 18.228.228.459 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21).

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.264.376.732
Số cuối kỳ	<u>1.264.376.732</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	189.656.514
Khấu hao trong kỳ	63.218.838
Số cuối kỳ	<u>252.875.352</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.074.720.218
Số cuối kỳ	<u>1.011.501.380</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	5.234.046.000
Số cuối kỳ	5.234.046.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	373.642.490
Khấu hao trong kỳ	47.283.582
Số cuối kỳ	420.926.072
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.860.403.510
Số cuối kỳ	4.813.119.928
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21).

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	125.214.090
Số cuối kỳ	125.214.090
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	125.214.090
Số cuối kỳ	125.214.090
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-

Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	49.484.071	52.050.207
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	5.026.932
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Công ty liên doanh Meyer – BPC ⁽ⁱ⁾	60%	14.226.953.252	60%	14.226.953.252
Cộng		14.226.953.252		14.226.953.252

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2215/GP ngày 20 tháng 8 năm 2001 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Meyer – BPC 900.000USD, tương đương 60% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 50:50.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nam	300	130.000.000	300	130.000.000
- Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh	12.273	66.710.000	7.671	66.710.000
Cộng		196.710.000		196.710.000

Cổ phiếu Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh tăng do nhận 4.602 cổ phiếu thưởng.

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	3.253.131.718	-	(50.048.184)	3.203.083.534
Công cụ, dụng cụ	300.582.677	356.207.668	(50.097.114)	606.693.231
Cộng	3.553.714.395	356.207.668	(100.145.298)	3.809.776.765

20. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ đảm bảo tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số 14/2011/CN1-CTTC

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	105.817.618.523	92.234.008.989
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	15.860.436.637	16.869.436.637
Cộng	121.678.055.160	109.103.445.626

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để mua hàng hóa với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng, phương tiện vận chuyển và toàn bộ quyền sử dụng đất mà Công ty sở hữu (xem thuyết minh số V.13 và V.15).

⁽ⁱⁱ⁾ Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ, nhân viên Công ty để bổ sung vốn lưu động theo lãi suất ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	92.234.008.989	207.132.740.105	-	(193.549.130.571)	105.817.618.523
Vay ngắn hạn các cá nhân	16.869.436.637	780.000.000	-	(1.789.000.000)	15.860.436.637
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	97.200.000	(97.200.000)	-
Cộng	109.103.445.626	207.912.740.105	97.200.000	(195.435.330.571)	121.678.055.160

22. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	34.845.624.911	28.633.076.247
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	29.455.081.901	37.642.361.823
Chi nhánh Hà Nội	-	204.850.000
Chi nhánh Đà Nẵng	4.842.000	-
Hiệu thuốc Đông dược	1.248.775.109	1.596.204.605
Cộng	65.554.323.921	68.076.492.675

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	7.221.337	58.418.255
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	277.605.091	2.411.528.213
Cộng	284.826.428	2.469.946.468

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	166.561.656	550.981.017	(622.698.517)	94.844.156
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(451.303.545)	7.133.544.682	(7.322.520.158)	(640.279.021)
Thuế xuất, nhập khẩu	(2.922.904)	-	-	(2.922.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.640.792.260	1.843.476.670	(2.513.564.100)	970.704.830
Thuế thu nhập cá nhân	1.768.509.095	-	(2.046.123.070)	(277.613.975)
Thuế nhà đất	-	7.673.380	(7.673.380)	-
Tiền thuế đất	-	16.735.202	(364.827.000)	(348.091.798)
Các loại thuế khác	-	22.000.000	(22.000.000)	-
Cộng	3.121.636.562	9.574.410.951	(12.899.406.225)	(203.358.712)

Thuế tạm nộp được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	5%
Dịch vụ và hàng hóa khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.416.559.286	8.793.039.824
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	951.403.524	4.888.123.500
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.367.962.810	13.681.163.324
Thu nhập được miễn thuế	(965.427.600)	(644.177.500)
Thu nhập tính thuế	7.402.535.210	13.036.985.824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.628.557.746	3.259.246.457
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	214.918.930	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.843.476.676	3.259.246.457

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho nhân viên.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	111.228.403	-
Chi phí khuyến mãi phải trả	285.602.015	905.000.000
Cộng	396.830.418	905.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	135.544.155	82.538.145
Bảo hiểm xã hội	140.030.101	123.023.404
Cổ tức còn phải trả	267.184.350	295.454.350
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	233.000.000	233.000.000
Nhận tiền thế chân bình nước tỉnh khiết	50.142.000	50.142.000
Thuế TNCN không thường xuyên thu hộ	447.097.023	-
Thuế TNCN thường xuyên thu hộ	106.099.534	116.732.481
Phải trả, phải nộp khác - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.058.159	21.711.959
Phải trả, phải nộp khác - Văn phòng Công ty	640.297.717	-
Cộng	<u>2.020.453.039</u>	<u>922.602.339</u>

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	19.251.303	43.943.290
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	111.627.226	250.027.728
Chi quỹ	(116.435.000)	(311.900.000)
Số cuối kỳ	<u>14.443.529</u>	<u>(17.928.982)</u>

29. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng.

30. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	1.110.349.925	1.634.349.925
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua máy móc thiết bị	484.708.200	581.908.200
Nợ dài hạn khác – Sở Y Tế Bến Tre	43.325.176	43.325.176
Cộng	<u>1.638.383.301</u>	<u>2.259.583.301</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị xưởng thuốc, nhà làm việc và nhà kho các chi nhánh với lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ và được xác định lại định kỳ 3 tháng 1 lần; thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.110.349.925	570.349.925	540.000.000
Thuê tài chính	484.708.200	291.600.000	193.108.200
Nợ dài hạn khác	43.325.176	43.325.176	-
Cộng	1.638.383.301	905.275.101	733.108.200

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	1.634.349.925	(524.000.000)	-	1.110.349.925
Thuê tài chính	581.908.200	-	(97.200.000)	484.708.200
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	-	43.325.176
Cộng	2.259.583.301	(524.000.000)	(97.200.000)	1.638.383.301

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông 2.976.770.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.948.500.000 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	51.500	51.500
- Cổ phiếu phổ thông	51.500	51.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.948.500	2.948.500
- Cổ phiếu phổ thông	2.948.500	2.948.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	261.528.589.322	282.581.709.633
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	261.433.171.306	282.422.200.086
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.418.016	159.509.547
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.445.516.244)	(1.969.605.489)
- Chiết khấu thương mại	(941.307.489)	(614.174.151)
- Giảm giá hàng bán	(1.746.200)	(300.000)
- Hàng bán bị trả lại	(1.502.462.555)	(1.355.131.338)
Doanh thu thuần	259.083.073.078	280.612.104.144
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	258.987.655.062	280.452.594.597
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	95.418.016	159.509.547

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	214.180.929.765	225.553.548.437
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(114.682.033)	-
Cộng	214.066.247.732	225.553.548.437

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	124.011.430	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	97.239.921	167.884.845
Cổ tức, lợi nhuận được chia	965.427.600	644.177.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.081.598.150	2.282.177.944
Lãi thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn	237.050.960	66.299.424
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	24.282.168	132.790.878
Thu nhập tài chính khác	207.681.965	638.755.608
Cộng	2.737.292.194	3.932.086.199

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.932.055.070	6.079.388.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	401.559.836	397.184.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.126.758.307	1.746.175.857
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	39.755.566	205.459.820
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán	159.549.455	-
Chi phí tài chính khác	6.833.362	68.083.638
Cộng	6.666.511.596	8.496.292.334

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.670.574.390	20.403.109.207
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.011.129.480	400.689.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.486.644	489.294.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.001.872.001	6.062.553.839
Chi phí bằng tiền khác	6.201.776.702	6.832.356.361
Cộng	34.363.839.217	34.188.003.750

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.345.056.682	3.621.332.703
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	213.583.201	487.578.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	750.201.336	784.198.827
Thuế, phí và lệ phí	268.351.461	386.827.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.176.279.120	763.438.652
Chi phí bằng tiền khác	1.242.354.600	7.204.194.101
Cộng	5.995.826.400	13.247.570.240

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hàng nhập khẩu phi mậu dịch	13.296.384.409	15.582.525.149
Hàng khuyến mãi	303.111.109	225.078.530
Chênh lệch hàng thừa khi kiểm kê	21.303.577	9.509.120
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	258.308.231	470.279.675
Thu nhập khác	3.527.480.737	722.931.477
Cộng	17.406.588.063	17.010.323.951

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lương theo năng suất của bộ phận bán hàng tương ứng với hàng phi mậu dịch	10.711.199.890	11.275.743.290
Chi phí khác	6.769.209	316.419
Cộng	10.717.969.099	11.276.059.709

04
 0N
 NH
 00AI
 A
 7-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.573.082.615	5.533.793.367
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.573.082.615	5.533.793.367
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.948.500	2.948.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.890	1.877

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.146.422.173	1.023.346.261
Chi phí nhân công	34.280.545.486	35.382.401.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.869.829.884	1.936.231.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.515.402.478	7.293.740.242
Chi phí khác	7.752.579.762	14.424.097.612
Cộng	53.564.779.783	60.059.816.889

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Công văn số 400/CBTT.DBT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty đã hoàn tất việc tái phát hành 51.500 cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân là 35.000VND/cổ phiếu thông qua Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong kỳ là khoản tạm ứng công tác với số tiền là 35.000.000 VND.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng phải thu Kế toán trưởng	10.000.000	-
Cộng nợ phải thu	10.000.000	-
Ban Giám đốc	40.000.000	40.000.000
Cộng nợ phải trả	40.000.000	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 326.658.266 VND (cùng kỳ năm trước là 412.844.459 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty là Công ty liên doanh Meyer – BPC – công ty liên kết.

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty liên doanh Meyer - BPC như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	59.301.637	74.060.653
Mua hàng hóa	13.575.156.390	23.724.672.250
Công ty chi hộ tiền làm chương trình khuyến mãi	437.483.100	-
Nhận lãi chia từ công ty liên doanh	900.000.000	600.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty liên doanh Meyer – BPC như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải thu	104.523.739	101.864.475
Nợ phải trả	9.385.403.326	7.479.772.871

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất qui mô nhỏ, doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể (1% tổng doanh thu).

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	34.525.527	34.525.527
Trên 1 năm đến 5 năm	138.102.109	138.102.109
Trên 5 năm	241.678.691	276.204.215
Cộng	414.306.327	448.831.851

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.211.562.684	-	-	13.211.562.684
Phải thu khách hàng	85.082.762.811	354.820.308	-	85.437.583.119
Các khoản phải thu khác	6.709.615.963	-	-	6.709.615.963
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	196.710.000	-	1.158.449.455	1.355.159.455
Cộng	105.200.651.458	354.820.308	1.158.449.455	106.713.921.221
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.244.442.067	-	-	14.244.442.067
Phải thu khách hàng	75.117.260.574	354.820.308	-	75.472.080.882
Các khoản phải thu khác	6.726.332.565	-	-	6.726.332.565
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	449.982.083	-	513.202.168	963.184.251
Cộng	96.538.017.289	354.820.308	513.202.168	97.406.039.765

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	130.272.850	130.272.850
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	157.906.068	157.906.068
Quá hạn trên 3 năm	66.641.390	66.641.390
Cộng	354.820.308	354.820.308

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	122.583.330.261	733.108.200	123.316.438.461
Phải trả người bán	65.554.323.921	-	65.554.323.921
Các khoản phải trả khác	947.156.768	76.081.000	1.023.237.768
Cộng	189.084.810.950	809.189.200	189.894.000.150
Số đầu năm			
Vay và nợ	109.103.445.626	2.259.583.301	111.363.028.927
Phải trả người bán	68.076.492.675	-	68.076.492.675
Các khoản phải trả khác	1.483.596.350	-	1.483.596.350
Cộng	178.663.534.651	2.258.583.301	180.923.117.952

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.701,28	120,65	20.679,29	120,60
Phải trả người bán	(105.555,45)	(928.772,01)	(159.934,00)	(1.159.702,84)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(84.854,17)	(928.651,36)	(139.254,71)	(1.159.582,24)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 423.743.616 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 509.636.394 VND).

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty là khoản vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng và nợ thuê tài chính có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 123.273.113.285 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 113.319.703.751 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.923.060.567 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.669.795.556 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.211.562.684	-	14.244.442.067	-	13.211.562.684	14.244.442.067
Phải thu khách hàng	85.437.583.119	(354.820.308)	75.472.080.882	(354.820.308)	85.082.762.811	75.117.260.574
Các khoản phải thu khác	6.709.615.963	-	6.726.332.565	-	6.709.615.963	6.726.332.565
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.355.159.455	(159.549.455)	963.184.251	(24.282.168)	1.195.610.000	938.902.083
Cộng	106.713.921.221	(514.369.763)	97.406.039.765	(379.102.476)	106.199.551.458	97.026.937.289

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	123.316.438.461	111.363.028.927	121.678.055.160
Phải trả người bán	65.554.323.921	68.076.492.675	65.554.323.921	68.076.492.675
Các khoản phải trả khác	1.023.237.768	1.483.596.350	947.156.768	1.483.596.350
Cộng	189.894.000.150	180.923.117.952	188.179.535.849	178.663.534.651

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 23 tháng 7 năm 2014

Võ Minh Tân
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.000.000.000	26.493.488.000	(1.264.443.840)	3.907.323.020	2.765.493.578	2.536.822.093	16.784.040.733	81.222.723.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.032.544.524	11.032.544.524
Trích lập các quỹ	-	-	-	550.027.728	550.027.728	-	(1.790.083.186)	(690.027.730)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.897.000.000)	(5.897.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	26.493.488.000	(1.264.443.840)	4.457.350.748	3.315.521.306	2.536.822.093	20.129.502.071	85.668.240.378
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	26.493.488.000	(1.264.443.840)	4.457.350.748	3.315.521.306	2.536.822.093	20.129.502.071	85.668.240.378
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	5.573.082.615	5.573.082.615
Trích lập các quỹ	-	-	-	551.627.226	551.627.226	-	(1.214.881.678)	(111.627.226)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.948.500.000)	(2.948.500.000)
Cải khác	-	-	-	-	-	-	(53.398.091)	(53.398.091)
Số dư cuối kỳ này	30.000.000.000	26.493.488.000	(1.264.443.840)	5.008.977.974	3.867.148.532	2.536.822.093	21.485.804.917	88.127.797.676



Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Giám đốc

